

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2024/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1416/TTr-STC ngày 15 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức (*đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá tối đa*) sử dụng xe ô tô chuyên dùng (*trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế*) và nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô:

Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (*nếu có*); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (*nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng*) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Trường hợp mức giá xe ô tô chuyên dùng tại thời điểm mua sắm có biến động cao hơn mức giá quy định tại Quyết định này và trường hợp cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để kiểm tra, tổng hợp trình Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy).

3. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Tài chính) quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Quyết định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 5 năm 2024.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum và Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum quy định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CỦA
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số: 21/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH				
1	Ban Quản lý Khu kinh tế				
1.1	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế	Xe tải phục vụ vận chuyển nước tưới hệ thống cây xanh bồn cảnh	1	310	
		Xe tải vận chuyển đất sạt lở	1	240	
		Xe tải nâng người (sửa chữa hệ thống điện, cắt tháp tán, không chế chiều cao cây xanh)	1	1.400	
2	Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Kon Tum	Xe truyền hình lưu động	3	1.200	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
3	Sở Giao thông vận tải				
3.1	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Xe tải sử dụng thực hiện nhiệm vụ thanh tra	1	600	
		Xe bán tải thực hiện nhiệm vụ thanh tra	2	1.600	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
					định của pháp luật
		Xe chuyên dùng loại 29 chỗ làm trạm cân	1	1.560	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
4.1	Bảo tàng- Thư viện tỉnh	Xe tải thư viện lưu động đa phương tiện	1	520	
4.2	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	Xe 29 chỗ ngồi phục vụ vận động viên tham gia các giải thể thao thành tích cao	1	1.560	
		Xe 19 chỗ phục vụ vận động viên tham gia các giải thể thao thành tích cao	1	1.900	
4.3	Trung tâm Văn hóa-Nghệ thuật	Xe trên 40 chỗ chở cán bộ, diễn viên đi phục vụ biểu diễn văn nghệ	1	2.500	
		Xe bán tải phục vụ hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền, chiếu phim lưu động	2	900	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
		Xe tải sân khấu phục vụ biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	2	2.500	
		Xe 19 chỗ phục vụ hoạt động tuyên truyền lưu động biểu diễn	1	1.900	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
5.1	Chi cục kiểm lâm tỉnh				

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	Văn phòng Chi cục Kiểm Lâm	Xe cầu xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tịch thu sung quỹ nhà nước	1	1.900	
		Xe trên 16 chỗ phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	1	1.900	
5.2	Các Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	Xe tải có gắn cầu phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng (mỗi đơn vị 01 xe)	1	1.900	
6	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội				
6.1	Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh	Xe trên 16 chỗ phục vụ đưa đón thân nhân liệt sĩ đến thăm viếng mộ	1	1.900	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo				
7.1	Trường phổ thông trung học dân tộc nội trú tỉnh	Xe trên 16 chỗ phục vụ công tác nuôi dạy, hoạt động giáo dục cho học sinh	1	1.900	
8	Trường Cao đẳng Kon Tum				
	Đào tạo lái xe hạng B	Xe ô tô 4-7 chỗ ngồi	41	950	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
		Xe tải nhỏ 1,5 tấn	3	350	
	Đào tạo lái xe hạng C	Xe tải trên 3,5 tấn	6	950	
9	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Xe tải có gắn cầu phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng	1	1.900	
II	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ				

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
1	Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum				
1.1	Phòng Văn hóa và Thông tin	Xe bán tải phục vụ tuyên truyền	1	900	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
1.2	Ủy ban nhân dân phường/Đơn vị quản lý trật tự đô thị	Xe tải quản lý trật tự đô thị dưới 3,5 tấn (Mỗi phường 01 xe)	1	230	
2	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi				
2.1	Trung tâm Văn hóa, thể thao, Du lịch và truyền thông	Xe bán tải phục vụ tuyên truyền, thông tin lưu động	1	900	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
2.2	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị	Xe ép rác, vận chuyển rác tối đa 9 tấn (thùng 15m ³)	5	1.140	
		Xe tải (Chăm sóc, tưới cây xanh, chỉnh trang đô thị) tối đa 5m ³	1	1.200	
		Xe tải gắn cần cẩu nâng người (cắt tỉa cây xanh đô thị và sửa chữa điện công lộ)	1	1.900	
2.3	Ủy ban nhân dân thị trấn/Đơn vị	Xe tải quản lý trật tự đô thị dưới 3,5 tấn (Mỗi thị	1	230	

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	quản lý trật tự đô thị	trấn 01 xe)			
3	Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông				
3.1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao-Du lịch và Truyền thông	Xe bán tải phục vụ tuyên truyền, thông tin lưu động	1	900	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật
3.2	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị	Xe ép rác, vận chuyển rác tối đa 9 tấn (thùng 15m ³)	3	1.140	
		Xe cầu (Sửa chữa điện công lộ)	1	1.900	
		Xe tải tối đa 5m ³ (Chăm sóc, tưới cây xanh, chỉnh trang đô thị)	1	1.200	
3.3	Ủy ban nhân dân thị trấn/Đơn vị quản lý trật tự đô thị	Xe tải quản lý trật tự đô thị dưới 3,5 tấn (Mỗi thị trấn 01 xe)	1	230	
4	Ủy ban nhân dân các huyện còn lại				
4.1	Đài Truyền thanh-Truyền hình/Trung tâm Văn hóa-Thể thao- Du lịch và Truyền thông huyện/Trung tâm Văn hóa/Phòng Văn hóa- Thông tin (Đội Thông tin lưu động)	Xe bán tải phục vụ tuyên truyền, thông tin lưu động	1	900	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng/gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật

STT	Tên đơn vị/Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
4.2	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị/Trung tâm Dịch vụ công ích/Phòng Kinh tế-Hạ tầng (Đội vệ sinh môi trường)	Xe ép rác, vận chuyển rác tối đa 9 tấn (thùng 15m ³)	3	1.140	
4.3	Ủy ban nhân dân thị trấn/Đơn vị quản lý trật tự đô thị	Xe tải quản lý trật tự đô thị dưới 3,5 tấn (Mỗi thị trấn 01 xe)	1	230	